

Đức Đạt-la-lạt-ma gặp nhóm người Việt Nam lần thứ hai

26 tháng 9 năm 2012

Tỉnh Thekchen Choeling tại bang Dharamsala, ngày 25 tháng 9 năm 2012

Sáng nay, ngay khi Đức Đạt-la-lạt-ma vừa an tọa, đại diện của nhóm người Việt Nam đã dâng tặng Ngài một cây non nở hoa vẫn được trồng ở các sân chùa Việt Nam. Ngài cảm ơn và bắt đầu buổi nói chuyện.

“Hôm qua tôi đã tập trung nói về chủ đề chính là đạo đức thế tục, và hôm nay thì tôi muốn nói về Phật Pháp. Thường khi nói về Đạo Phật tôi muốn giải thích đôi chút về các tôn giáo khác trên thế giới để mọi người có thể nhận thức được những nét đặc thù riêng biệt của giáo pháp trong Đạo Phật. Những đại học giả của Trường Đại Học Phật Giáo Na-Lan-Đà cổ xưa tại Ấn Độ như Long Thọ, Thánh Thiên, Thanh Biện, và sau đó là Tịch Hộ và Liên Hoa Giới, những vị đã tới Tây Tạng, đã so sánh những quan điểm triết lý Phật Giáo với các quan điểm phi Phật Giáo để nhìn rõ được vấn đề. Ở Ấn Độ, các quan điểm Phật Giáo trong quá trình phát triển luôn được xem xét và phản biện, và cách thức mà các học giả minh chứng để bảo vệ Đạo Phật mang lại giá trị vô cùng to lớn cho chúng ta ngày nay.”

Đức Đạt-la-lạt-ma so sánh các tranh luận về triết học thời xưa với vai trò của khoa học thời nay. Ngài nhớ lại có một người bạn Mỹ nhiều năm trước đã lưu ý Ngài nên cẩn thận về việc phát triển mối quan tâm đến khoa học, bởi vì bà cảm thấy rằng khoa học là mối đe dọa cho tôn giáo. Nhưng Đức Đạt-la-lạt-ma nghĩ, “Không phải vậy, khoa học là tri thức, và mặc dù có các lĩnh vực khoa học khác nhau, cả khoa học và Phật giáo đều tiến hành các khảo cứu về thực tại.”



Và kết quả là cuộc tranh luận trong khoảng 30 năm qua giữa một bên là khoa học hiện đại và một bên là khoa học và triết lý Đạo Phật đã mang lại lợi ích cho cả hai bên. Gần đây khi Đức Đạt-la-lạt-ma ở La-Đắc, một quan chức địa phương có học vị cao đã nói với Ngài rằng những thuyết giảng của Đức Đạt-la-lạt-ma về giáo pháp trong Đạo Phật thì khác với những gì ông được nghe trước đây. Có thể một trong những lý do đó là bởi vì nhiều vị Lạt-ma theo phương pháp truyền thống đã mặc nhiên coi người nghe là Phật Tử, trong khi Đức Đạt-la-lạt-ma muốn theo

cách mà Ngài gọi là truyền thống Na-lan-đà, là truyền thống xem xét cả các ý kiến quan điểm khác nữa. Ngài cười mỉm khi bình luận,

“Tất nhiên còn có những thách thức khác nữa. Tôi kiên định với phương pháp không bộ phái. Nhưng nhóm Shugden rất bộ phái và đã lên án tôi bán rẻ truyền thống Ge-luk để làm hài lòng truyền thống Ning-ma. Một trong những lý do tôi khuyến khích việc nghiên cứu học hỏi các luận thuyết từ những đạo sư của Đại học Na-lan-đà là bởi vì các luận thuyết đó là cơ sở chung cho tất cả các truyền thống Phật giáo của chúng ta. Trong khi việc học hỏi từ những văn bản do các Đạo Sư

Tây Tạng [trước tác] có thể đem đến một túi ro to lớn hơn, làm cho tinh thần phân chia bộ phái phát triển.”

Đức Đạt-la-lạt-ma đưa ra sự khác biệt rõ giữa các truyền thống tâm linh không dựa trên nền tảng triết lý – mà thờ mặt trăng, mặt trời, lửa và các thần linh thổ địa – với những truyền thống tâm linh có nền tảng triết lý. Đối với những truyền thống tâm linh có nền tảng triết lý thì lại có thể tiếp tục phân biệt giữa những truyền thống tin rằng có Đấng sáng tạo và những truyền thống không tin có Đấng sáng tạo. Những truyền thống tâm linh có nền tảng triết lý và tin vào Đấng sáng tạo bao gồm đạo Do Thái, đạo Thiên Chúa, đạo Hồi, đạo thờ Lửa, đạo Sikh, và đạo Lão. Những truyền thống tôn giáo có nền tảng triết lý mà không tin vào Đấng sáng tạo bao gồm một nhánh của đạo Sam-khia, đạo Jain, và đạo Phật. Trên thế giới này có những con người khác nhau, họ sống ở các vùng địa lý và với những điều kiện khác nhau, có căn tính khác nhau, vì vậy việc có các truyền thống tôn giáo khác nhau là hoàn toàn phù hợp. Đối với một số người, việc tin tưởng vào Chúa thật là tuyệt vời, và thông qua việc hoàn toàn hiến mình cho Chúa, người đó sẽ giảm thiểu sự cao ngạo về tự ngã (lấy mình làm trung tâm). Những người theo đạo Phật giải quyết vấn đề tự ngã thông qua việc phủ nhận sự tồn tại của một cái tôi tự thân và thông qua việc trưởng dưỡng sự quan tâm trắc ẩn đối với những người khác.

Đức Đạt-la-lạt-ma cũng chỉ ra rằng trong các giáo huấn của Đức Phật, chúng ta cũng thấy rằng chính Đức Phật cũng chỉ bày những quan điểm triết lý khác nhau trong những hoàn cảnh khác nhau. Sở dĩ như vậy bởi vì Đức Phật nhận biết được căn cơ khác nhau của các đệ tử của Ngài, và đã giảng dạy họ tùy theo căn cơ của họ. Đức Đạt-la-lạt-ma nói tới hai truyền thống Phật Pháp chính phát sinh từ Ấn Độ, đó là truyền thống Pali và truyền thống Sanskrit (Phạn ngữ), do bởi ngôn ngữ dùng để viết kinh điển thời đó.

“Truyền thống Pali bao gồm những nền tảng và cấu trúc của Đạo Phật, trong khi đó truyền thống Sanskrit lại hé mở và làm sáng rõ thêm, giúp cho tâm thức đạt được khả năng to lớn hơn. Bản chất của tâm là tính biết, nhưng khi mà tâm thức còn bị che phủ bởi vô minh thì khả năng của tâm thức bị che chướng, giống như chúng ta không thể nhìn thấy khi mắt bị che khuất. Khi vô minh, những cảm xúc ô nhiễm đi liền với vô minh, và những dấu ấn trong tâm thức được cởi bỏ thì tâm thức đạt được trạng thái toàn tri.

“Nhu được ghi lại trong truyền thống Pali, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sinh ra trong một gia đình hoàng gia, nhưng Ngài đã từ bỏ cuộc sống thế tục, thực hành nhịn ăn và những thực hành khổ hạnh khác một cách nghiêm ngặt trong vòng sáu năm. Sau đó Đức Phật thiền định và xóa bỏ được vô minh và các cảm xúc ô nhiễm che chướng tâm của Ngài, và Ngài đã chứng được phẩm tính giác ngộ toàn tri.”

Đức Đạt-la-lạt-ma giải thích rằng vô minh liên quan đến việc chúng ta đã quan niệm sai lầm cho rằng vạn vật vốn có sự tồn tại tự thân. Kết quả là chúng ta phát triển sự gắn kết hoặc đối đãi với mọi thứ. Chúng ta có một quan điểm sai lệch về thực tại. Nhưng khi chúng ta khảo cứu và tìm kiếm xem có một thứ gì đó tồn tại tự thân hay không thì chúng ta không thể tìm thấy gì cả. Quan điểm sai lầm gắn liền với những cảm xúc tiêu cực mang lại cho chúng ta các vấn đề khó khăn. Còn tri kiến đúng đắn, gắn liền với việc xóa bỏ được vô minh, là việc hiểu thực tại một cách đúng đắn hơn. Trong khi công việc của người thầy giảng đạo là giải thích thì công việc của những học trò học đạo là phát triển sự hiểu biết đúng đắn về thực tại.



Nói về những giáo huấn cao hơn là Giới, Định, Huệ, và đây chính là các giáo huấn nền tảng của tất cả các thực hành Phật Pháp, Đức Đạt-la-lạt-ma nhận xét rằng giới Luật hay những quy định của giới tu sĩ cơ bản là giống nhau trong cả hai truyền thống Pali và Sanskrit. Đức Đạt-la-lạt-ma nói về việc Ngài đã gặp hai tu sĩ người Miên Điện tại Hội Nghị Tôn Giáo Thế Giới tại Úc. Hai tu sĩ đồng ý rằng Ngài và họ đều đi theo cùng một Đức Phật, nhưng hai tu sĩ cho rằng có những sự khác nhau giữa họ và Đức Đạt-la-lạt-ma. Khi Đức Đạt-la-lạt-ma nói với hai tu sĩ rằng người Tây Tạng cũng tuân thủ giới Luật theo truyền thống *Mulasarvastivada* thì hai vị tu sĩ Miên Điện này đã ngạc nhiên và vui mừng. Nhắc lại là ba giáo huấn cao hơn gồm Giới, Định, Huệ là giống nhau trong cả truyền thống Pali và truyền thống Sanskrit, Ngài nói rõ thêm rằng việc thực hành trí tuệ trong truyền thống Sanskrit còn bao gồm cả việc sử dụng lập luận. Đức Đạt-la-lạt-ma giải thích rằng diệt đế, đế thứ ba trong tứ diệu đế, được tìm thấy trong các Kinh điển về Trí Tuệ Bát Nhã của truyền thống Sanskrit. Những kinh điển này đã giải thích thấu đáo tính không của tâm, bản chất của diệt đế, và làm cách nào để đạt đến đó.

Nguyên tắc giải phóng cá nhân là nền tảng trong truyền thống Pali. Nguyên tắc này cũng là nền tảng trong truyền thống Sanskrit, nhưng truyền thống Sanskrit còn có thêm sự quan tâm mang đến lợi lạc cho người khác được thể hiện qua việc khơi dậy Bồ đề tâm, một tâm nguyện giác ngộ vị tha. Thêm vào đó là truyền thống Mật điển, và những thánh giả đang có mặt tại đó cũng nói rằng Mật điển cũng được thực hành tại Việt Nam. Đức Đạt-la-lạt-ma trước đó đã cho biết, đã có những người đưa ra nghi ngờ rằng liệu Đại thừa, là các giáo huấn thuộc truyền thống Sanskrit, có phải là các giáo huấn của Đức Phật hay không. Các Đại Đạo sư như Long Thọ đã biện hộ và khẳng định rằng các giáo huấn Đại thừa là giảng dạy của Đức Phật. Trong lịch sử cũng có những câu hỏi về việc liệu mật điển có phải do Đức Phật giảng dạy hay không. Những Đạo sư vĩ đại xứ Ấn như Long Thọ, Thánh Thiên, Nguyệt Xứng đã viết rất nhiều luận giảng về các chủ đề mật điển, và Đạo sư vĩ đại A-ti-sha đã đến Tây Tạng vào thế kỷ mười một và đưa các giáo huấn mật điển vào thực hành.

Đức Đạt-la-lạt-ma kết luận rằng, “Phật giáo Tây Tạng là hình thức Phật giáo hoàn thiện nhất vì đã áp dụng Giới Luật trong truyền thống Pali làm nền tảng, cộng thêm các giáo huấn về Trí Tuệ Bát Nhã, các suy luận và biện luận Phật Pháp, cùng với các thực hành mật điển.”

Trước khi làm lễ Quy y mà trước đó Đức Đạt-la-lạt-ma đã đồng ý cử hành, Ngài giải thích,

“Cấu trúc cơ bản của Phật Pháp là Tứ Diệu Đế. Theo luật nhân quả, nghiệp thiện sẽ mang đến hạnh phúc và nghiệp bất thiện mang đến khổ đau. Thuyết Thập-nhị-nhân-duyên đã minh họa điều này và chúng ta có thể nhìn thấy chúng được miêu tả trong các bức tranh về bánh xe luân hồi tại những nơi trước khi bước vào cổng chùa.



Vô minh sẽ dẫn đến nghiệp, nghiệp sẽ để lại dấu vết trong tâm tinh tế hay trong ý thức của chúng ta. Những chuỗi kết nối tiếp theo cuối cùng dẫn tới già và chết. Nếu chúng ta không muốn đau khổ, chúng ta cần xóa bỏ vô minh. Chúng ta cần hiểu được rằng thông qua việc xóa bỏ vô minh trong tâm, chúng ta không còn phải chịu đau khổ. Khi chúng ta xóa bỏ được hoàn toàn vô minh, chúng ta đạt được đến sự ngưng bật chân thật của đau khổ (diệt đế).

“Chúng ta quy y nơi Phật, Pháp, Tăng bởi vì những nơi nương tựa đó giúp chúng ta tịnh hóa những ô nhiễm trong tâm. Quy y Tam Bảo là bước đầu tiên để bước vào con đường Phật Pháp. Khi chúng ta quy y, cùng với việc phát khởi bồ đề tâm, chúng ta không chỉ đi tìm giải thoát cho bản thân mình, mà còn tìm giải thoát cho những chúng sinh khác nữa. Và để mang đến sự giúp đỡ to lớn cho các chúng sinh, chúng ta cần tâm giác ngộ toàn tri.”

Sau đó Đức Đạt-la-lạt-ma tiến hành một lễ quy y giản đơn và khích lệ mọi người tiến bước vào con đường đạt giác ngộ. Cuối buổi Ngài nói rằng Ngài đã thực hành những lời cầu nguyện này mỗi ngày mỗi khi hành trì và cảm thấy rất hữu ích. Ngài cũng tiết lộ rằng chỉ khi tới tuổi 14 hay 15 Ngài mới thật sự quan tâm đến việc thực hành giáo pháp. Ngài khuyên rằng, mặc dù có các khía cạnh thân và khẩu trong khi thực hành, điều quan trọng nhất là thực hành ở mức độ của tâm.

“Trì tụng hai đoạn này – phần quy y và phát bồ đề tâm – hàng ngày và suy ngẫm về ý nghĩa của chúng. Nếu có thể, chúng ta nên giúp đỡ người khác. Nếu không giúp được thì ít nhất cũng đừng làm hại ai. Và khi chúng ta cảm thấy chuẩn bị nóng giận, hãy bấm vào ngón tay mình!”

Cuối buổi nói chuyện, Đức Đạt-la-lạt-ma nói rằng Ngài thấy rằng trong cuộc đời này Ngài có ba cam kết: cam kết thứ nhất là thúc đẩy giá trị nhân văn thông qua việc thuyết giảng về đạo đức thế tục, cam kết thứ hai là thúc đẩy sự hiểu biết và hài hòa giữa các tôn giáo, và cam kết thứ ba [kể từ khi Ngài chuyển giao trách nhiệm chính trị Tây Tạng cho các lãnh đạo được bầu cử] là khuyến khích những người theo Đạo Phật trở thành Phật tử của thế kỷ 21. Đức Đạt-la-lạt-ma nói rằng Ngài hi vọng những người bạn của Ngài ở đây hôm nay cũng sẽ tự nhiên hướng theo những cam kết này.

Trần Lan Anh dịch từ: <http://dalailama.com/news/post/847-his-holiness-the-dalai-lama-meets-vietnamese-group-for-the-second-time>